TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Toàn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển.

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Vũ Trọng Đ**, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Tr, xã D, huyện V, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị N**, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn Tr, xã D, huyện V, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, nguyên đơn ông Vũ Trọng Đ trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào ngày 24 tháng 01 năm 1972 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông bà chung sống tại thôn Tr, xã D, huyện V, tỉnh T. Ông bà chung sống hạnh phúc được 25 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong việc quản lý kinh tế dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Khoảng tháng 5 năm 2017, sau khi xảy ra cãi chửi nhau thì bà N và ông Đ đã ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông

xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị N.

Về quan hệ con chung: Ông và bà Phạm Thị N có 04 con chung là Vũ Trọng M, sinh năm 1973; Vũ Trọng T, sinh năm 1974; Vũ Thị Th, sinh năm 1977 và Vũ Trọng Tr, sinh năm 1979. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông không đề nghị Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông không đề nghị Toà án giải quyết.

**** Bị đơn bà Phạm Thị N trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện tổ chức lễ cưới bà thống nhất như trình bày của ông Đ. Sau khi tổ chức lễ cưới ông bà chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế trong gia đình. Năm 2016, ông Đ bị tai biến, gia đinh chăm sóc ông Đ rất chu đáo. Năm 2017, bà và ông Đ có xảy ra xô xát nên bà đi lên nhà con trai út tại tỉnh N chơi và trông cháu. Ông Đ gọi bà về giải quyết việc gia đình, bà có về nhưng ông Đ không minh bạch nên bà không đồng ý . Do tức giận bà có nói với ông Đ, nếu không sống được thì ly hôn để giải thoát cho bà. Nay ông Đ xin ly hôn bà, bà xác định tình cảm của bà với ông Đ vẫn còn, bà muốn níu giữ gia đình. Còn nếu ông Đ kiên quyết xin ly hôn thì tuỳ ông Đ, bà không liên quan.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Vũ Trọng Đ có 04 con chung như ông Đ trình bày. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà và ông Vũ Trọng Đ có tài sản chung là 02 ngôi nhà 01 ngôi nhà xây trên diện tích đất khoảng 500m2 tại thôn Tr, 01 ngôi nhà diện tích 35m2 ngã tư xã D. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề tài sản giữa bà và ông Đ, bà đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản tuy nhiên bà nghĩ ông Đ nộp đơn xin ly hôn bà thì ông Đ cũng phải là người đóng tiền tạm ứng án phí chia tài sản, còn nếu ông Đ không đóng tiền tạm ứng án phí chia tài sản thì bà không đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ tài sản giữa bà và ông Đ trong vụ án này.

**** Uỷ ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh T cung cấp như sau***: Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N chung sống với nhau từ năm 1972, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã. Sau khi cưới, ông bà chung sống tại thôn Tr, xã D, huyện V, tỉnh T. Ông bà chung sống hoà thuận đến khoảng năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do bất đồng về vấn đề kinh tế. Khi ông bà xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình động viên hoà giải nhưng không có kết quả. Thực tế mâu thuẫn của ông Đ và bà N đã rất căng thẳng, khó có thể giải quyết để đoàn tụ. Bà Ng không sống cùng ông Đ khoảng 02 năm nay. Nay ông Đ xin ly hôn bà N, đề nghị Toà án căn cứ quy định

của pháp luật để giải quyết. Về quan hệ con chung: Ông Đ và bà N có 04 con chung như ông bà trình bày, các con chung của ông bà đã trưởng thành, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Về quan hệ tài sản: Ông Đ và bà N có tài sản chung gồm 02 thửa đất, 01 thửa tại thôn Tr, 01 thửa tại thôn V. Trên 02 thửa đất đều có nhà và công trình trên đất. Ngoài ra ông bà còn tài sản chung gì địa phương không nắm được. Ông bà không nợ tổ chức nào tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Trọng Đ được ly hôn và Phạm Thị N; Về quan hệ con chung: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N có 04 con chung là Vũ Trọng M, sinh năm 1973; Vũ Trọng T, sinh năm 1974; Vũ Thị Th, sinh năm 1977 và Vũ Trọng Tr, sinh năm 1979. Các con chung đã trưởng thành, ông bà không đề nghị Toà án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N không đề nghị Toà án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Ông Vũ Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Vũ Trọng Đ khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Phạm Thị N cư trú tại huyện V, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh T có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hôn nhân: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ năm 1972. khi đó cả hai đều chưa có vợ, có chồng. Sau khi tổ chức lễ cưới ông bà tiếp tục tự nguyện chung sống với nhau và có 04 con chung. Căn cứ quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính phủ; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà N là hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về vấn đề kinh tế trong gia đình nên xảy ra cãi chửi nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà N không đồng ý ly hôn với ông Đ nhưng bà cũng không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử giải thích quy định của pháp luật và động viên để ông bà giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng ông Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà N. Xét thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Vũ Trọng Đ được ly hôn bà Phạm Thị N.

Về quan hệ con chung: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N có 04 con chung là Vũ Trọng M, sinh năm 1973; Vũ Trọng T, sinh năm 1974; Vũ Thị Th, sinh năm 1977 và Vũ Trọng Tr, sinh năm 1979. Các con chung của ông bà đã trưởng thành, có gia đình riêng, ông bà không đề nghị Toà án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông Vũ Trọng Đ không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản. Bà Phạm Thị N đề nghị Toà án giải quyết về tài sản nhưng bà không đóng tiền tạm ứng chia tài sản. Tại phiên toà bà không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản, do đó Toà án không giải quyết về vấn đề tài sản giữa ông Đ và bà N trong vụ án này. Ông Đ và bà N có quyền đề nghị Toà án giải quyết về vấn đề tài sản của ông bà sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Vũ Trọng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Trọng Đ được ly hôn bà Phạm Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N có 04 con chung Vũ Trọng M, sinh năm 1973; Vũ Trọng T, sinh năm 1974; Vũ Thị Th, sinh năm 1977 và Vũ Trọng Tr, sinh năm 1979. Các con chung đã trưởng thành, ông bà không đề nghị Toà án giải quyết. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Ông Vũ Trọng Đ và bà Phạm Thị N có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Vũ Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003546 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T; ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh T;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự V, tỉnh T;*
- *UBND xã D, huyện V, tỉnh T;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng